xiāng xiàng

相像

verb · resemble

Example Sentences

tā men jiě mèi liǎ zhǎng de hěn xiāng xiàng
她 们 姐 妹 俩 长 得 很 相 像 。

The two sisters look very much alike.

zhè liǎng fú huà de fēng gé fēi cháng xiāng xiàng　kě néng shì tóng yī gè huà jiā huà de
这 两 幅 画 的 风 格 非 常 相 像 ， 可 能 是 同 一 个 画 家 画 的 。

The styles of these two paintings are very similar; they might be by the same painter.

Trace each character, then write the word on your own.

相 相 相 相 相 相 相 相 相 相 相

相

像 像 像 像 像 像 像 像 像 像 像

像 像 像 像 像